

Bản án số: **05** /2022/HS-ST
Ngày: 28 - 3 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thế Cẩm**

Thẩm phán: Ông **Bùi Xuân Liêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Quốc Vương**

2. Ông **Phan Minh Á**

3. Bà **Nguyễn Thị Diệu Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông **Võ Tấn Triệu** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **09/2022/TLST-HS** ngày 11 tháng 02 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **10 /2022/QĐXXST- HS** ngày 28 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Thị P** (tên gọi khác: **L**); sinh ngày 28/7/1975, tại thành phố T, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: số 01, Trần B, khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: cắt tóc; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thanh T1 (sinh năm 1954), mẹ Trần Thị B3 (sinh năm 1956), gia đình có 04 người con, bị cáo là con thứ nhất; Chồng Bùi Ngọc Đ1 (sinh năm 1973) là bị hại trong vụ án; bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 06/7/2021 (trường hợp đầu thú), tiếp tục tạm giam từ ngày 15/7/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa theo chỉ định: Ông **Bùi Bá D**, Luật sư văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Bị hại: Ông **Bùi Ngọc Đ1**, sinh năm 1973, nơi thường trú: Tổ 16, phường H, Quận L, Thành phố Đà Nẵng; chỗ ở: số 01, Trần B, khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Bùi Ngọc Đ1:

1. Ông **Bùi Ngọc T1**, sinh năm 1954, (cha ruột bị hại); có mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị B1**, sinh năm 1953, (mẹ ruột bị hại); có đơn xin xét xử vắng mặt và ủy quyền cho ông Bùi Ngọc Tuấn (chồng) và Bùi Ngọc P Uyên (cháu nội)

tham gia tố tụng.

Cùng trú tại: Số 22 T 1, Tổ 16, Phường H, Quận L, Thành phố Đà Nẵng.

3. Chị **Bùi Ngọc P U**, sinh năm 1995, trú tại: Khối phố 6, phường X, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (con ruột bị hại); có mặt.

- Người giám định.

1. Ông **Trần Văn B2**, Bác sỹ, Giám định viên Pháp y thuộc Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

2. Ông **Nguyễn Duy A**, Bác sỹ, Giám định viên Pháp y thuộc Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam; có mặt.

3. Ông **Hoàng Văn M**, Thiếu tá, Giám định viên Kỹ thuật hình sự thuộc Phân viện kỹ thuật hình sự Bộ Công an tại thành phố Đà Nẵng; có mặt.

4. Ông **Lê Văn Đ2**; Đại úy, Giám định viên Kỹ thuật hình sự thuộc Phân viện kỹ thuật hình sự Bộ Công an tại thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà **Trần Thị B3**, sinh năm 1959 (*mẹ ruột bị cáo P*), địa chỉ: Khối phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

2. Ông **Võ Thanh T2**, sinh năm 1954 (*cha ruột bị cáo P*), địa chỉ: Khối phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

3. Bà **Võ Thị C**, sinh năm 1979, địa chỉ: Khối phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

4. Ông **Hồ Ngọc T3**, sinh năm 1983, địa chỉ: Khối phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

5. Bà **Huỳnh Thị Vạn**, sinh năm 1963, địa chỉ: Khối phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

6. Ông **Trần Văn B4**, sinh năm 1964, địa chỉ: Số 124 Nguyễn T, khối phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 10 giờ 45 phút ngày 06/7/2021, anh Bùi Ngọc Đ1 (*chồng bị cáo P*) đi chơi về trong tình trạng say xỉn, khi vừa về đến nhà thì anh Đ1 hỏi Võ Thị P (là vợ anh Đ1) số tiền 15.000 đồng và gói “cô” của anh Đ1 ở đâu, thì P nói không biết. Lúc này, anh Đ1 chửi bới P, khi nghe anh Đ1 và P cãi vã nhau thì ông Trần Văn B4 (*là người hàng xóm*) đến can ngăn.

Sau đó, anh Bùi Ngọc Đ1 đi vào kệ bếp lấy một cái “Kéo” đi ra trước hiên nhà quơ qua quơ lại trước mặt P nhưng không trúng. Trong lúc anh Đ1 thả tay cầm cái “Kéo” hướng xuống dưới đất thì P đến vị trí anh Đ1 đang đứng dùng tay phải giật lấy cái “Kéo” trên tay phải của anh Đ1, Đ1 lùi người lại phía sau tựa lưng vào ghế cắt tóc (*anh Đ1 và P đứng đối diện cách nhau khoảng 1,5 mét*) rồi P cầm cái “Kéo” trên tay phải (*cầm giữa phần cán kéo và lưỡi kéo, mũi kéo hướng về phía trước*) đưa lên cao ngang vai ném thẳng vào người anh Đ1, lưỡi “Kéo” cắm trúng vào ngực trái của anh Đ1; anh Đ1 nằm xuống nền nhà và tự rút cái “Kéo” ra. Nhìn thấy máu chảy trên ngực anh Đ1 thì ông Trần Văn B4 và P đã dùng khăn chặn vết thương cho anh Đ1. Sau đó, anh Hồ Văn T2 (*hàng xóm của anh Đ1*) đến cùng với P đưa anh Đ1 đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam để cấp cứu, nhưng do vết thương nặng nên anh Đ1 đã tử vong.

Sau khi đưa anh Đ1 đến Bệnh viện để cấp cứu thì Võ Thị P đến Công an phường A, thành phố T để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

- Tại Biên bản xem xét dấu vết trên cơ thể của Võ Thị P vào ngày 06/7/2021, xác định: không có thương tích, dấu vết gì.

* Tang vật tạm giữ: 01 cái kéo, dài 22,5cm, phần cán bằng nhựa màu cam dài 10cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 12,5cm, mũi kéo nhọn do ông Trần Văn B4 giao nộp.

* Quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam thu giữ: **Dấu vết màu nâu đỏ** tại vị trí số 01; **01** quần Jeans của nạn nhân tại vị trí số 02; **01** cái kéo, dài 21cm, cán bằng nhựa màu đỏ-đen, lưỡi bằng kim loại dài 11cm, chỗ rộng nhất là 2,1cm (dưới kệ bếp nhà anh Bùi Ngọc Đ1); **01** con dao Thái Lan, cán bằng nhựa màu vàng dài 10 cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 11 cm, lưỡi dao nhọn;

* Tại Bản kết luận giám định Pháp y tử thi số 137/GDPY-PC09 ngày 14/7/2021, đã mô tả chi tiết và kết luận đối với nạn nhân Bùi Ngọc Đ1 như sau:

+ Khám ngoài:

- Tử thi nam giới Bùi Ngọc Đ1, sinh năm 1973 được đặt nằm ngửa trên chiếc giường sắt bên trong Nhà Đại thể - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam. Bên ngoài phủ một tấm vải màu trắng. Hai tay, hai chân xuôi theo thân mình.

- Trang phục và các vật dụng mang theo: trên người không mặc áo, quần. Một phần vùng ngực được băng kín bằng băng gạc.

- Đặc điểm các hình xăm trên cơ thể: Giữa trán có hình xăm dạng “.” Màu xanh đen; Vùng ngực trái có hình xăm dạng “B4 hoa hồng” màu xanh đen; Vùng ngực phải có hình xăm không rõ dạng màu xanh đen; Vùng bụng dưới có hình xăm “K V C E!” màu xanh đen; Mặt sau cẳng tay phải có hình xăm không rõ dạng màu xanh đen; Vùng lưng có hình xăm dạng “Con sư tử đặt chân lên chiếc khăn” màu xanh đen;

- Tử thi đang trong giai đoạn co cứng xác, hoen tử thi tập trung chủ yếu ở mặt sau cơ thể;

- Đầu, mặt: Da đầu thuần nhất không có dấu vết tổn thương trên đại thể, sờ, nắn không phát hiện tổn thương xương hộp sọ; Hai mắt khép mờ, đồng tử hai mắt giãn rộng, niêm mạc mi mắt hai bên nhợt; Ổng tai ngoài hai bên khô; Mũi ngoài hai bên không có dịch; Miệng ngậm, lưỡi nằm sau cung răng, cung răng hàm trên và hàm dưới còn nguyên vẹn, môi dưới bên trái có vết xây xước niêm mạc kích thước (0,7 x 0,3) cm.

- Ngực: Vùng ngực trái, sát xương ức, trên khoang gian sườn III, cách hõm ức 7cm có vết rách da đã khâu chỉ dài 1,7cm, tiến hành cắt chỉ vết rách kiểm tra thấy: vết rách dạng vết thủng da và cơ hình bầu dục kích thước (1,5 x 0,6) cm, bờ mép tương đối sắc gọn, đầu trên vết thủng nhọn, đầu dưới có độ tù hơn, xung quanh đầu dưới mép vết thủng có vết xây xước, hướng vết thủng từ trước ra sau, chệch từ trái qua phải, chệch từ trên xương dưới (**Vết số 01**). Vùng ngực, sát phía dưới đường liên vú hai bên, cách Vết số 01 dài 3,6cm có vết rách da đã khâu chỉ dài 29,5cm, tiến hành cắt chỉ kiểm tra thấy: bờ mép tương đối sắc gọn, lộ toàn bộ xương ức và cung trước các xương sườn

hai bên (tổn thương này do quá trình phẫu thuật cấp cứu tạo ra).

- Vùng cổ, bụng, lưng, mông, hậu môn, sinh dục: không phát hiện dấu vết tổn thương trên đại thể.

- Hai tay: Mặt sau khuỷu tay và mặt sau 1/3 trên cẳng tay trái có vết xây xước trên diện 06 x 1,5cm; Sờ nắn hai tay kiểm tra không phát hiện gãy xương, khớp.

- Hai chân: Mặt trước gối trái có vết xây xước da kích thước (1,2 x 0,8)cm; Mặt trước trong 1/3 trên cẳng chân trái có vết bầm máu, xây xước trên diện (03 x 1,5)cm; Sờ nắn kiểm tra hai chân không phát hiện gãy xương, khớp.

+ Khám trong:

- Tiến hành mở lồng ngực và ổ bụng theo đường giữa từ hõm ức đến bờ trên khớp mu: Cung trước các xương sườn không có tổn thương; Thân xương ức đứt rời ở ngang khoang liên sườn IV, vết đứt này nối liền với vết rách cơ liên sườn IV hai bên trên diện (30 x 1,5)cm, bờ mép nhám nhở (tổn thương này do quá trình phẫu thuật tạo ra); Tại nửa trái của thân xương ức, ngang khoang liên sườn IV, mép trên đường đứt rời có tổ chức dưới da và cơ tụ máu trên diện (02 x 1,1)cm, tương ứng thân xương ức có vết thủng kích thước (0,7 x 0,1)cm, bờ mép sắc gọn (Vết số 02); Khoang màng phổi hai bên không có tổn thương, dày dính khoang màng phổi trái, mặt trước ngoài thùy trên phổi trái có vết rách nhu mô đã khâu chỉ dài 4,5cm; Màng ngoài tim có vết rách nhám nhở trên diện (4,5 x 4)cm, khoang màng ngoài tim có nhiều dịch máu lẫn máu cục; Mặt trước ngoài cung động mạch chủ và nhĩ phải có vết rách đã khâu chỉ dài 0,5cm, cắt chỉ kiểm tra vết thủng trên thành ngoài cung động mạch chủ kích thước (0,6 x 0,4)cm (Vết số 03), máu từ trong lòng động mạch chảy ra mức độ nhiều; Gan, lách không phát hiện tổn thương; Các quai ruột giãn căng; Dạ dày có ít dịch màu đen.

+ Phần kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thủng da và cơ vùng ngực trái hướng từ trước ra sau, chệch từ trên xuống dưới, chệch từ trái qua phải thông sâu vào lồng ngực (Vết số 01). Thủng cung động mạch chủ (Vết số 03).

2. Nguyên nhân chết: Nguyên nhân chết của ông Bùi Ngọc Đ1 là sốc mất máu tối cấp do thủng cung động mạch chủ hậu quả của vết thương thấu ngực trái.

3. Kết luận khác: Cây “Kéo” có đặc điểm mà Cơ quan điều tra thu giữ có thể gây ra Vết số 01 và Vết số 03 trên người tử thi Bùi Ngọc Đ1. (BL 60-62).

* Tại Bản kết luận giám định số 901/C09 - Đ3 ngày 19/7/2021 của Phân Viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng xác định trên cái “Kéo” (dài 22,5cm, phần cán bằng nhựa màu cam dài 10cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 12,5cm, mũi kéo nhọn) có máu của Bùi Ngọc Đ1. (Bl 81-82).

* Tại Kết luận giám định số 899/C09 - Đ2 ngày 15/7/2021 của Phân Viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng xác định: trong máu của Bùi Ngọc Đ1 có tìm thấy Ethanol (cồn), nồng độ Ethanol là 1,82mg/1mL máu, không tìm thấy chất ma túy. (BL 84).

* Tại Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam, Võ Thị P thừa nhận hành vi dùng cái “Kéo” (dài 22,5cm, phần cán bằng nhựa màu cam dài 10cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 12,5cm, mũi kéo nhọn) ném trúng vào ngực anh Bùi Ngọc Đ1 dẫn đến tử vong.

* Tại Biên bản xác minh ngày 04/10/2021, Công an phường A thành phố T xác nhận: Quá trình sinh sống tại địa P, vợ chồng anh Đ1 và P thường có lời qua tiếng lại với nhau, gây ảnh hưởng đến hàng xóm xung quanh, chính quyền đã nhiều lần hòa giải.

* Về nhân thân Bùi Ngọc Đ1 là đối tượng có 04 tiền án:

- Ngày 28/02/1995, bị TAND thành phố Đà Nẵng xử phạt 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, được tuyên trả tự do tại phiên tòa;

- Ngày 11/10/1996, bị TAND thành phố Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 09/11/1997;

- Ngày 12/8/2005, bị TAND thành phố Đà Nẵng xử phạt 04 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 14/9/2008;

- Ngày 30/10/2020, bị TAND thành phố T, tỉnh Quảng Nam xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 17/4/2021.

Quá trình điều tra, Võ Thị P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu do Cơ quan điều tra thu thập được.

Bản cáo trạng số: 01/CT-VKSQN-P2 ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Võ Thị P về tội “Giết người” theo quy định tại khoản 2 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với bị cáo Võ Thị P về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 10/2022/QĐXXST-HS ngày 28/02/2022.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước giữ nguyên bản Cáo trạng đã truy tố về tội danh, khoản, điều luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Võ Thị P** từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù và đề nghị Hội đồng xét xử lý vật chứng theo như Bản cáo trạng đã đề cập.

Người bào chữa với luận cứ: Bị hại Đ1 là người có nhân thân không tốt, không lo làm ăn giúp đỡ vợ con mà thường rượu chè bê tha, chửi bới, gây sự với vợ nên bị cáo P bị uất ức dồn nén; khi bị hại Đ1 sau khi uống rượu về có lời chửi bới, xúc phạm, dùng hung khí đe dọa, nhất thời bị cáo đã giật “Kéo” ném và làm cho anh Đ1 chết nên luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo là có cơ sở. Trong trường hợp cụ thể của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử có thể xem xét bị cáo về tội danh theo qui định tại Điều 125 của Bộ luật Hình sự theo nguyên tắc suy đoán vô tội và có lợi cho bị cáo.

Bị cáo thống nhất với luận cứ của người bào chữa, không tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Nam, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng

không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Võ Thị P khai nhận: Anh Bùi Ngọc Đ1 là người nghiện ma túy, thường xuyên say xỉn, vi phạm pháp luật nhiều lần, vừa mới ra tù nên quan hệ vợ chồng giữa Võ Thị P và Bùi Ngọc Đ1 mâu thuẫn trầm trọng, thường xảy ra cãi vã. Vào khoảng 10 giờ 45 phút ngày 06/7/2021, Đ1 đi chơi về trong tình trạng say xỉn, chửi bới P vì Đ1 không tìm thấy số tiền 15.000 đồng và gói “cỏ” ở trong nhà. Đ1 đi vào kệ bếp lấy một cái “Kéo” đi ra trước hiên nhà quơ qua quơ lại trước mặt P nhưng không trúng. Trong lúc anh Đ1 thả tay cầm cái “Kéo” hướng xuống dưới đất thì P đến vị trí anh Đ1 đang đứng dùng tay phải giật lấy cái “Kéo” trên tay phải của anh Đ1, Đ1 lùi người lại phía sau tựa lưng vào ghế cắt tóc (*anh Đ1 và P đứng đối diện cách nhau khoảng 1,5 mét*) rồi P cầm cái “Kéo” trên tay phải (*cầm giữa phần cán kéo và lưỡi kéo, mũi kéo hướng về phía trước*) đưa lên cao ngang vai ném thẳng vào người anh Đ1, lưỡi “Kéo” cắm trúng vào ngực trái của anh Đ1; anh Đ1 nằm xuống nền nhà và tự rút cái “Kéo” ra. Nhìn thấy máu chảy trên ngực anh Đ1 thì ông Trần Văn B4 (hàng xóm) và P đã dùng khăn chặn vết thương cho anh Đ1. Sau đó, anh Hồ Văn Thành (hàng xóm) đến cùng với P đưa anh Đ1 đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam để cấp cứu, nhưng anh Đ1 đã chết. Sau khi đưa anh Đ1 đến Bệnh viện để cấp cứu thì Võ Thị P đến Công an phường A, thành phố T để đầu thú.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận khám nghiệm tử thi, kết luận giám định khoa học hình sự, lời khai người làm chứng và các chứng cứ khác do cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Võ Thị P và bị hại Bùi Ngọc Đ1 kết hôn vào năm 1999, quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, lời qua tiếng lại với nhau. Đối với anh Bùi Ngọc Đ1 có nhân thân xấu (đã chấp hành xong hình phạt tù của 03 Bản án) và vừa mới chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 18/4/2021 về sống cùng P tại số 01 Trần B, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vào khoảng 10 giờ 45 phút ngày 06/7/2021, anh Bùi Ngọc Đ1 sau khi đã uống rượu về đến nhà thì đòi tiền và ma túy (gói cỏ) nên đã gây sự với P rồi cầm cái “Kéo” quơ trước mặt P nhưng không trúng, do bức tức không kiềm chế được bản thân nên bị cáo Võ Thị P đã giật cái “Kéo” trên tay anh Đ1 và đứng cách 1,5 mét đã ném về phía anh Đ1 đang đứng đối diện làm lưỡi “Kéo” găm trúng vào ngực trái anh Bùi Ngọc Đ1, hậu quả làm bị hại Đ1 tử vong. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là có nguyên do từ mâu thuẫn lâu ngày giữa hai vợ chồng và hành vi dùng hung khí quơ qua quơ lại làm cho bị cáo bị kích động về tinh thần nên không thuộc trường hợp “*Có tính chất côn đồ*” như quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và chưa đến mức được coi là “*Kích động mạnh về tinh thần*” như luận cứ của người bào chữa. Vì vậy, hành vi và hậu quả nêu trên của bị cáo Võ Thị P đã phạm vào tội “*Giết người*” theo quy định tại khoản 2 Điều 123 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên phần luận cứ của người bào chữa về tội danh theo Điều 125 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo không được chấp nhận.

[4] Xét tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra thì thấy: Tính mạng, sức khỏe con người được pháp luật ghi nhận, tôn trọng và bảo vệ. Do đó, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tính mạng người khác đều bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc và bị dư luận xã hội lên án. Bị cáo nhận thức được việc dùng “Kéo” là hung khí nguy hiểm ném vào cơ thể người khác có thể dẫn đến chết người; nhưng do mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, uất ức dồn nén, trong lúc tức giận khi anh Đ1 say xỉn, gây sự và có hành vi dùng “Kéo” đe dọa bị cáo, nhất thời bức xúc bị cáo đã giật được “Kéo” và có hành vi ném “Kéo” làm lưỡi “Kéo” đâm vào ngực anh Đ1, tước đi vĩnh viễn mạng sống của nạn nhân chính là chồng của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại nghiêm trọng đến quan hệ hôn nhân và nền đạo Đ1 xã hội, gây bất bình và hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm xấu đi tình hình trật tự xã hội ở địa P nên cần phải được xử lý mức hình phạt nghiêm, đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội nên đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa về áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự không được chấp nhận.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt. Người bị hại là anh Bùi Ngọc Đ1 là chồng của bị cáo, chưa làm tròn trách nhiệm là người chồng, người cha trong gia đình, nhiều lần vi phạm pháp luật và bị xử phạt tù do phạm tội. Trong cuộc sống hàng ngày, anh Đ1 thường xuyên uống rượu gây sự cãi vã với bị cáo, trước khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội anh Đ1 cũng đã uống rượu về gây sự và cầm cái “Kéo” đe dọa ... là một trong những nguyên nhân làm cho bị cáo bị kích động về mặt tinh thần dẫn đến hành vi phạm tội. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo ra đầu thú; bị cáo có ông bà ngoại là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng Huân, Huy chương kháng chiến; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và đang nuôi con nhỏ (sinh năm 2010); tại phiên tòa các đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Xét **01** cái kéo (dài 22,5cm, phần cán bằng nhựa màu cam dài 10cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 12,5cm, mũi kéo nhọn là vật bị cáo dùng vào việc phạm tội); **01** cái kéo (dài 21cm, cán bằng nhựa màu đỏ-đen, lưỡi bằng kim loại dài 11cm, chỗ rộng nhất là 2,1cm); **01** con dao Thái Lan (cán bằng nhựa màu vàng dài 10 cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 11 cm, lưỡi dao nhọn); **01** quần Jeans của nạn nhân Bùi Ngọc Đ1; Dấu vết màu nâu đỏ thu tại hiện trường, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo Võ Thị P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Võ Thị P, phạm tội “Giết người”.

Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt: Bị cáo **Võ Thị P 07** (Bảy) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 06/7/2021).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên: Tịch thu tiêu huỷ **01** (Một) cái kéo (*dài 22,5cm, phần cán bằng nhựa màu cam dài 10cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 12,5cm, mũi kéo nhọn*); **01** (Một) cái kéo (*dài 21cm, cán bằng nhựa màu đỏ-đen, lưỡi bằng kim loại dài 11cm, chỗ rộng nhất là 2,1cm*); **01** (Một) con dao Thái Lan (*cán bằng nhựa màu vàng dài 10 cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 11 cm, lưỡi dao nhọn*); **01** (Một) quần Jeans của nạn nhân Bùi Ngọc Đ1; Dấu vết màu nâu đỏ thu tại hiện trường.

(*Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Nam theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/12/2021- BL: 232*).

3. Về án phí: Bị cáo Võ Thị P phải chịu **200.000 đ** (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để xin xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/3/2022). Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành TT;
- Phòng PV 06 CA Q.Nam;
- Phòng HSNV Sở tư pháp Q Nam;
- Người tham gia TT;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thế Cẩm

